

2. *Người bị kiện:*

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên; địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường H L, thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Lê Tiến D; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ĐBP

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đạt L– Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ĐBP (Theo Giấy ủy quyền số 2576/UBND – VP, ngày 21/12/2021). Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

2.2. Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố ĐBP

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Đạt L– Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ĐBP (Theo Giấy ủy quyền số 2576/UBND – VP, ngày 21/12/2021). Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

3. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Lò Thị Kim Th, ông Lò Văn M

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, Người khởi kiện trình bày:

Gia đình bà Lò Thị Kim Th, ông Lò Văn M được bố mẹ tặng cho thửa đất có diện tích 252m² tại địa chỉ bản H E, phường N T, thành phố ĐBP, thửa đất được sử dụng ổn định từ trước năm 1989, không tranh chấp. Ngày 15/6/2010, bà Th, ông M được UBND thành phố ĐBP cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*Sau đây viết là GCNQSDĐ*) số BB 359308 đối với diện tích 252m² thuộc thửa đất số 196, tờ bản đồ số 313-E-III, mục đích sử dụng đất là “Đất trồng cây hàng năm và lâu năm” (trong đó có: 90m² sử dụng đến khi mở đường, 162m² sử dụng đến ngày 16/6/2030).

Ngày 26/12/2017, UBND tỉnh Điện Biên ban hành Quyết định số: 1286/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4, thành phố ĐBP.

Ngày 04/8/2020, UBND thành phố ĐBP ban hành 02 Quyết định: Quyết định số: 1311/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của gia đình ông bà Lò Thị Kim Th, Lò Văn M để thực hiện đầu tư xây dựng công trình Khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên (*sau đây gọi tắt là: Quyết định số: 1311*) và Quyết định số: 1307/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố ĐBP (đợt 3) (*sau đây gọi tắt là: Quyết định số: 1307*). Theo đó, thu hồi của gia đình bà Th, ông M

154,8m² đất trồng cây hàng năm (BHK), trong đó: Diện tích 40,3m² giáp công trình Khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 và diện tích 114,5m² giáp kênh suối Hồng Lú và bản H E không giáp với Công trình khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố ĐBP.

Tại mục a (bồi thường về đất), số thứ tự 26, Biểu chi tiết phương án bồi thường, hỗ trợ các hộ gia đình cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ban hành kèm theo Quyết định số 1307, gia đình bà Th, ông M được bồi thường, hỗ trợ về đất với tổng số tiền là: 10.928.880 đồng. Tại thời điểm thu hồi đất trên địa bàn phường N T, gia đình bà Th, ông M không còn diện tích đất nào khác.

Ông M, bà Th cho rằng gia đình mình đủ điều kiện để được bồi thường về đất hoặc tiền theo quy định tại Điều 74, Điều 75 Luật đất đai năm 2013; ông, bà chấp nhận việc tính toán bồi thường bằng tiền đối với diện tích 40,3m² nhưng không đồng ý với mức bồi thường 65.000 đồng/m² vì giá bồi thường quá thấp, số tiền bồi thường này không đủ để mua diện tích đất cùng loại tại thời điểm thu hồi, đề nghị áp đơn giá đất mới cho phù hợp và tương đương với các dự án khác trên địa bàn thành phố ĐBP. Đối với phần diện tích đất 114,5m² ông, bà không chấp nhận việc bồi thường bằng tiền vì đất của gia đình ông M, bà Th được UBND thành phố ĐBP cấp Giấy CNQSDĐ đúng quy định, mục đích sử dụng đất là đất trồng cây hàng năm và lâu năm.

Căn cứ Điều 3 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ việc tính toán bồi thường của UBND thành phố ĐBP là chưa đúng, đất của gia đình ông, bà bị thu hồi phải là đất trồng cây lâu năm và có mức giá bồi thường là 75.000 đồng/m² mới đúng quy định của pháp luật. Mặt khác, tại địa bàn phường N T vẫn còn đất có cùng mục đích sử dụng, quỹ đất dành cho khu tái định cư từ cầu A1 xuống cầu C4 là 38.187m² và quỹ đất trả cho doanh nghiệp là 51.187m² nên cũng phải có quỹ đất trả cho người dân thì mới tạo được sự công bằng. Dự án khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 được thực hiện theo hình thức đối tác công tư nhưng UBND thành phố Đ B P đã không thực hiện đúng chỉ đạo tại Văn bản số: 2720TB/TU ngày 19/5/2017 của Tỉnh ủy Điện Biên cụ thể: “Dự án chỉ được triển khai khi nhận được sự đồng thuận của đa số các hộ dân thuộc phạm vi ảnh hưởng”.

Ngoài ra, diện tích đất bị thu hồi của gia đình ông, bà Th - M là đất nông nghiệp trong khu dân cư, nhưng tại Quyết định số: 592 của UBND tỉnh Điện Biên không quy định giá đất đối với loại đất này; đồng thời quyết định này được ban hành năm 2019 nên không phù hợp để tính toán bồi thường cho ông, bà Th - M tại thời điểm năm 2021.

Hiện nay quỹ đất tại phường N T để bố trí cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi Dự án đường 15m vẫn còn rất nhiều, do đó gia đình bà Th đủ điều kiện được giao đất tại khu tái định cư này (được thể hiện tại Bản đồ quy hoạch chi tiết chia lô đất ở khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4, thành phố ĐBP được phê duyệt và có đóng dấu của UBND phường M Th, phường N T, Phòng TN&MT, Phòng QLĐT và UBND thành phố ĐBP).

Việc bồi thường của UBND thành phố ĐBP cho gia đình bà Th không phù hợp với các quy định tại điểm c khoản 1 Điều 112, khoản 1 Điều 114 Luật Đất đai 2013; khoản 3 Điều 21, khoản 1 Điều 28 của Thông tư số: 36/2016/BTN&MT.

Với các lý do trên, ngày 13/9/2020 bà Th, ông M đã gửi Đơn khiếu nại đến UBND thành phố ĐBP. Ngày 09/02/2021 Chủ tịch UBND thành phố ĐBP ban hành Quyết định số: 264/QĐ-UBND và Quyết định số 265/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Th, ông M (lần đầu). Bà Th, ông M cho rằng 02 Quyết định giải quyết khiếu nại đã vi phạm về thời hạn giải quyết, nội dung giải quyết khiếu nại chưa thỏa đáng, chưa đúng quy định tại Điều 75 Luật đất đai năm 2013, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông, bà.

Vì vậy, bà Lò Thị Kim Th, ông Lò Văn M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Hủy một phần Quyết định số: 1307/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 của UBND thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên. Cụ thể: Hủy mục a (bồi thường về đất) thuộc số thứ tự 26 đối với hộ gia đình Lò Thị Kim Th - Lò Văn M tại Biểu chi tiết kèm theo Quyết định số: 1307/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 của UBND thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên.

2. Hủy Quyết định số: 264/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của Chủ tịch UBND thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên về việc giải quyết khiếu nại của bà Lò Thị Kim Th (lần đầu).

3. Hủy Quyết định số: 265/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của Chủ tịch UBND thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên về việc giải quyết khiếu nại của ông Lò Văn M (lần đầu).

Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện không thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện nêu trên.

Kèm theo đơn khởi kiện, người khởi kiện cung cấp cho Tòa án: Bản sao các quyết định hành chính bị khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có liên quan.

Trong vụ án, không có chứng cứ nào thuộc trường hợp không được công khai theo quy định tại Điều 96 Luật tổ tụng Hành chính.

Tại văn bản số: 613/UBND-TNMT ngày 15/4/2021 của UBND thành phố ĐBP và trong quá trình đối thoại, người bị kiện trình bày:

- Thứ nhất, đối với diện tích 40,3m² người khởi kiện không đồng ý với mức bồi thường vì áp đơn giá bồi thường về đất quá thấp (65.000 đồng/m²).

Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất và mảnh trích đo, chỉnh lý, trích lục địa chính số 09 năm 2019 tờ bản đồ 01+02+03, khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4, thành phố ĐBP do Công ty Cổ phần tài nguyên và môi trường Việt Thành thực hiện ngày 10/4/2019; được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 16/4/2019 thì bà Lò Thị Kim Th, ông Lò Văn M bị thu hồi diện tích 114,5m², thửa đất số 2, tờ bản đồ số 3; diện tích 40,3m² thuộc thửa số 76; tờ bản đồ số 2.

Căn cứ các tài liệu, hồ sơ, tờ kê khai và Giấy CNQSDĐ số H15635/QSDĐ ngày 15/6/2010 của UBND thành phố cấp cho bà Th, ông M diện tích 252m² (mục đích sử dụng đất đăng ký trong GCN là đất trồng cây hằng năm và lâu năm; phần tài sản, cây cối trên đất được đăng ký: “Không”; sơ đồ thửa đất đăng ký: BHK; cây lâu năm: Chưa chứng nhận quyền sở hữu). Căn cứ hiện trạng sử dụng đất có trong Hồ sơ phương án bồi thường và Quyết định số: 1311/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 về việc thu hồi đất của bà Th, ông M để thực hiện đầu tư, xây dựng công trình khu tái định cư các hộ gia đình đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố ĐBP, gia đình bà Th, ông M được bồi thường diện tích 154,8m² loại đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (gồm: 40,3m² thuộc thửa số 76; tờ bản đồ số 02 và 114,5m² thuộc thửa số 2; tờ bản đồ số 03) theo quy định tại Điều 75, Điều 77 Luật đất đai 2013.

Ngày 04/8/2020, UBND thành phố ban hành Quyết định số: 1307/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình bà Th, ông M trên các cơ sở cụ thể sau:

Về khối lượng bồi thường về đất đai, tài sản trên đất: Căn cứ giấy tờ về đất đai, hồ sơ địa chính và khối lượng đo đạc, kiểm đếm hiện trạng đất đai, tài sản gắn liền với đất được hộ gia đình bà Th, ông M xác nhận với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Về đơn giá bồi thường: Căn cứ giá đất cụ thể, tài sản, cây cối trên đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất đối với các thửa đất trong phạm vi thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư các hộ dân đường

15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố ĐBP tại Quyết định số: 592/QĐ-UBND ngày 19/6/2019 của UBND tỉnh Điện Biên.

Như vậy, căn cứ điểm đ khoản 4 Điều 114, khoản 2 Điều 74 Luật đất đai năm 2013 và Quyết định số: 592/QĐ-UBND ngày 19/6/2019 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt giá đất cụ thể, giá tài sản trên đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, UBND thành phố ĐBP ban hành Quyết định số: 1307/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 của UBND thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và áp giá bồi thường 65.000 đồng/m² đối với diện tích 40,3m² với hộ gia đình bà Th, ông M là đúng quy định của pháp luật. Việc ông M, bà Th yêu cầu UBND thành phố phải áp đơn giá mới cho phù hợp và tương đương với các dự án khác trên địa bàn thành phố ĐBP là không có cơ sở, vì: Việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được thực hiện theo các quy định của Luật đất đai năm 2013 và Quyết định số: 592/QĐ-UBND ngày 19/6/2019 của UBND tỉnh Điện Biên.

- Thứ hai, đối với phần diện tích đất 114,5m² gia đình bà Th, ông M không chấp nhận bồi thường bằng tiền mà yêu cầu xem xét bồi thường bằng đất để gia đình ông (bà) Thu, M chuyển đổi mục đích sử dụng đất thành đất ở.

Về cơ sở căn cứ pháp lý thực hiện thu hồi đất: Căn cứ Quyết định số: 1286/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4, thành phố ĐBP; Quyết định số: 643/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 thành phố ĐBP và Quyết định số: 1177/QĐ-UBND ngày 13/11/2019 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ủy quyền cho UBND thành phố ĐBP quyết định thu hồi đất để thực hiện công trình Khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 tại địa bàn phường M Th và phường N T, thành phố ĐBP; Hồ sơ kỹ thuật thửa đất và mảnh trích đo, chỉnh lý, trích lục địa chính số 09 năm 2019 tờ bản đồ số 01+02+03, Khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4, thành phố ĐBP thì UBND thành phố ban hành Quyết định số: 1311/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 về việc thu hồi đất đối với ông bà Lò Thị Kim Th - Lò Văn M là đúng quy định tại Điều 63 Luật Đất đai năm 2013.

Về yêu cầu bồi thường bằng đất có cùng mục đích sử dụng để gia đình chuyển đổi mục đích sử dụng: Theo quy hoạch xây dựng được duyệt tại Quyết định số: 1286/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Điện Biên; Quyết định số: 1202/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu vực dọc trục đường Võ Nguyên

Giáp đến sông Nậm Rốm thuộc phường N T, thành phố ĐBP và khu vực phía Tây sông Nậm Rốm thuộc xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, thì Khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 không thực hiện quy hoạch quỹ đất sản xuất nông nghiệp. Mặt khác hiện nay đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố đã được giao, công nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình cá nhân theo quy định; không có quỹ đất nông nghiệp để bồi thường. Do vậy việc UBND thành phố ĐBP ban hành Quyết định số: 1307/QĐ-UBND ngày 04/8/2019, thực hiện bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp là đúng quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013.

- Thứ ba: Trên cơ sở quy định của pháp luật, căn cứ vào hiện trạng đất thực tế bị thu hồi, kết quả xác M, đối thoại, ngày 09/02/2021 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ĐBP đã ban hành Quyết định số: 264 và 265/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với ông Lò Văn M, bà Lò Thị Kim Th là đúng theo quy định. Ủy ban nhân thành phố ĐBP đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên không hủy bỏ 2 quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2021/HC-ST ngày 28/7/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã quyết định: Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348, Điều 204, khoản 1 Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính; Căn cứ khoản 2 Điều 63; điểm c, d khoản 3 Điều 62; điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 66; khoản 2 và khoản 3 Điều 69; các Điều 74, 75, 77, 79 của Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ khoản 8 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Căn cứ Luật khiếu nại năm 2011; Căn cứ Nghị định số: 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật khiếu nại; Căn cứ Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Căn cứ Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Căn cứ Thông tư số: 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Căn cứ Thông tư số: 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Căn cứ khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lò Thị Kim Th và ông Lò Văn M về việc hủy một phần Quyết định số: 1307/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 của UBND

thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên. Cụ thể: Hủy mục a (bồi thường về đất) thuộc số thứ tự 26 đối với hộ gia đình Lò Thị Kim Th - Lò Văn M tại Biều chi tiết kèm theo Quyết định số: 1307/QĐ-UBND; Quyết định số: 264/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của Chủ tịch UBND thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên về việc giải quyết khiếu nại của bà Lò Thị Kim Th (lần đầu); Quyết định số: 265/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của Chủ tịch UBND thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên về việc giải quyết khiếu nại của ông Lò Văn M (lần đầu).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 06/8/2021, người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm :

Người đại diện của Người khởi kiện có ý kiến: Giữ nguyên nội dung đã kháng cáo và bổ sung thêm yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo là hủy toàn bộ quyết định số 1311 ngày 04/8/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố ĐBP do thu hồi đất trái thẩm quyền, quá thời hạn ủy quyền.

Người bị kiện: Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:

Về việc chấp hành pháp luật: Tại cấp phúc thẩm người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của luật tố tụng đến trước khi nghị án.

Đối với việc Người khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định thu hồi đất số 1311, do liên quan đến quyết định bị khởi kiện 1307 nên đã được cấp sơ thẩm xem xét mặc dù Người khởi kiện không khởi kiện, nên nay yêu cầu xem xét hủy quyết định 1311 cũng nằm trong phạm vi giải quyết của cấp phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Qua nghiên cứu hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa thấy Quyết định số 1311 và Quyết định số 1307 được ban hành đúng quy định. Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 264, 265 được ban hành quá thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định là trái pháp luật, nhưng không ảnh hưởng đến quyền khởi kiện của bà Th, ông M, do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị Chủ tịch UBND thành phố ĐBP rút kinh nghiệm.

Từ các căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo của bà Lò Thị Kim Th, ông Lò Văn Minh, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Kháng cáo của người khởi kiện bà Lò Thị Kim Th, ông Lò Văn M làm trong thời hạn luật định, hình thức, nội dung phù hợp quy định, do vậy được xem xét theo trình thủ tục phúc thẩm.

[2] Đối với việc Người khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định thu hồi đất số 1311, do liên quan đến quyết định bị khởi kiện 1307 nên đã được cấp sơ thẩm xem xét mặc dù Người khởi kiện không khởi kiện. Sau khi xét xử sơ thẩm người khởi kiện đã kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nên nay yêu cầu xem xét hủy quyết định 1311 cũng nằm trong phạm vi giải quyết của cấp phúc thẩm, theo ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng quy định tại Điều 220 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về nội dung kháng cáo: Người khởi kiện kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 04/2021/HC-ST ngày 28/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và buộc Ủy ban nhân dân thành phố ĐBP phải ban hành biểu tính toán bồi thường mới đối với diện tích đất bị thu hồi của bà Th ông M. Cụ thể:

[4] Người khởi kiện cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên chưa tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, đối chất, người làm chứng... Xét thấy, tại Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ thì Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đồng ý với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, không yêu cầu triệu tập người làm chứng và người tham gia tố tụng khác. Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu về tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án, của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định; về thu thập chứng cứ không có kiến nghị gì. Do vậy, ý kiến của người khởi kiện về nội dung này là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Ngày 04/8/2020 Ủy ban nhân dân thành phố ĐBP ban hành Quyết định số 1311 và Quyết định số 1307. Xét thấy 02 quyết định trên được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 63, khoản 2 Điều 66, khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số

01/2017/NĐ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; hình thức được thực hiện theo đúng mẫu số 10 Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất. Do vậy, Người khởi kiện kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định 1311 do ban hành trái thẩm quyền và ban hành sau khi hết thời hạn là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu được bồi thường bằng đất của Người khởi kiện: Căn cứ vào quy định tại khoản 1, 2 Điều 74; khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 thì gia đình bà Th, ông M đủ điều kiện được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất bị thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do UBND tỉnh quyết định tại thời điểm có quyết định thu hồi đất.

[7] Bà Th, ông Minh yêu cầu diện tích đất 114,5m² thuộc thửa đất số 2, tờ bản đồ số 03 bị thu hồi phải được bồi thường bằng đất cùng loại với đất thu hồi để chuyển mục đích sử dụng đất là không có cơ sở, bởi theo quy hoạch xây dựng được duyệt tại Quyết định số: 1286/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Điện Biên; Quyết định số: 1202/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu vực dọc trục đường Võ Nguyên Giáp đến sông Nậm Rốm thuộc phường N T, thành phố ĐBP và khu vực phía Tây sông Nậm Rốm thuộc xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, thì Khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 không quy hoạch quỹ đất sản xuất nông nghiệp; trên toàn địa bàn thành phố ĐBP không còn quỹ đất nông nghiệp do Nhà nước quản lý để thực hiện bồi thường bằng đất nông nghiệp cho người bị thu hồi. Với lý do trên, UBND thành phố ĐBP thu hồi 154,8m² của gia đình ông M, bà Th và thực hiện việc bồi thường bằng tiền là phù hợp và đúng với quy định tại 2 Điều 74, Điều 77 Luật Đất đai năm 2013.

[8] Về nội dung kháng cáo: bà Th, ông M căn cứ điểm b, khoản 3 Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai yêu cầu được bồi thường diện tích đất bị thu hồi là loại đất trồng cây lâu năm chứ không phải là đất trồng cây hàng năm. Xét thấy, Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ

quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai. Cả Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ đều hướng dẫn đối với Trường hợp đang sử dụng đất không có giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 11 của Luật Đất đai, còn đối với trường hợp sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được xác định loại đất theo khoản 1 Điều 11 Luật Đất đai. Điều luật có nội dung: Việc xác định loại đất theo một trong các căn cứ sau đây: “1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đã được cấp trước ngày 10 tháng 12 năm 2009; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”

[8] Tại Quyết định số 1311, thì gia đình bà Lò Thị Kim Th, ông Lò Văn M bị thu hồi đất 154,8m² tại bản H E, phường N T, thành phố ĐBP, trong đó: đất bằng trồng cây hàng năm diện tích 40,3m² thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 02 và đất bằng trồng cây hàng năm diện tích 114,5m² thuộc thửa đất số 2, tờ bản đồ số 3. Toàn bộ 154,8m² nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H15635/QSDĐ ngày 15/6/2010 của UBND thành phố Điện Biên cấp cho bà Lò Thị Kim Th, ông Lò Văn M, diện tích 252m², mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm và lâu năm (Ngày 03/12/2018 UBND thành phố ĐBP đã thu hồi 122,7m² “Đất trồng cây hàng năm khác” trong tổng diện tích đất nêu trên để làm đường, được thể hiện tại Quyết định số: 1779 và quyết định số: 1878 ngày 03/12/2018. Việc UBND thành phố ĐBP thu hồi đất để làm đường và bồi thường cho gia đình ông bà M Thu 7.975.500 đồng, ông bà hoàn toàn nhất trí, không khiếu kiện gì). Tại hồ sơ, tờ kê khai và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Th, ông M là đất trồng cây hàng năm và lâu năm; phần tài sản, cây cối trên đất được đăng ký ghi “không”; sơ đồ thửa đất đăng ký BHK; hiện trạng sử dụng đất là vườn trồng ngô hàng năm (Tại Tờ kê khai của bà Lò Thị Kim Th). Do vậy, Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án đền bù xác định toàn bộ diện tích bà Th ông M bị thu hồi 154,8m² thuộc loại đất bằng trồng cây hàng năm là đúng hiện trạng sử dụng và đúng quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Đất đai 2013. Do vậy, kháng cáo của bà Th ông M yêu cầu xác định loại

đất bị thu hồi là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm là không có căn cứ chấp nhận.

[9] Kháng cáo cho rằng việc áp dụng tính toán bồi thường chưa đúng. Xét thấy, theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013 thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá đất cụ thể để tính bồi thường. Về quy trình xác định giá đất tính bồi thường căn cứ Thông tư 36/2014/TT-BTNMT, ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất; Tư vấn xác định giá đất tính bồi thường căn cứ khoản 1,3,4 Điều 115 Luật Đất đai 2013 và Điều 17, 19 Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai. Đối chiếu với quy định trên thì Quyết định số: 592/QĐ-UBND ngày 19/6/2019 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt giá đất cụ thể, giá tài sản trên đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất đối với Dự án khu tái định cư các hộ dân đường 15m được ban hành phù hợp với các quy định trên. Do vậy, Quyết định số 1307/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố ĐBP về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên (đợt 3) căn cứ Quyết định số: 592/QĐ-UBND ngày 19/6/2019 của UBND tỉnh Điện Biên là đúng quy định, theo đó giá đất để tính tiền bồi thường đối với giá đất nông nghiệp “Đất trồng cây hàng năm khác” là 65.000 đồng/m². Người khởi kiện yêu cầu căn cứ Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Điện Biên để phải có giá đất cụ thể mới cho phù hợp với bảng giá đất là không có căn cứ chấp nhận.

[10] Người khởi kiện cho rằng Quyết định số 592/QĐ-UBND ngày 19/6/2019 quy định thiếu phần đất nông nghiệp trong khu dân cư. Theo điểm a khoản 3 Điều 11 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất: “*Đối với đất trong khu dân cư, trong địa giới hành chính phường thì căn cứ vào thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quy định mức giá đất cao hơn nhưng không quá 50% so với mức giá tối đa của cùng loại đất trong khung giá đất;*”. Xét thấy, UBND tỉnh được quy định mức giá đất cao hơn, chứ không bắt buộc phải quy định. Do vậy, nội dung kháng cáo này của Người khởi kiện không có căn cứ chấp nhận.

[11] Ngày 13/9/2020, bà Th, ông M gửi đơn khiếu nại. Ngày 15/9/2020

UBND thành phố ĐBP thụ lý đơn khiếu nại của bà Th, ông M; đến ngày 09/02/2021 Chủ tịch UBND thành phố ĐBP mới ra Quyết định số: 264/QĐ-UBND và Quyết định số: 265/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Th và ông M là quá thời hạn quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011. Do đó, thời hạn ban hành quyết định này không đúng quy định, tuy nhiên việc vi phạm về thời hạn giải quyết khiếu nại không làm ảnh hưởng đến thời hiệu khởi kiện của bà Th và ông M, quyền và lợi ích hợp pháp của ông, bà chưa bị ảnh hưởng. Bản án sơ thẩm đã kiến nghị Chủ tịch UBND thành phố ĐBP rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện công vụ là phù hợp. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị kiến nghị Chủ tịch UBND thành phố ĐBP rút kinh nghiệm về nội dung này là có căn cứ. Về nội dung của Quyết định giải quyết khiếu nại số 264, 265 giữ nguyên Quyết định số 1307 là có căn cứ như đã nhận định ở trên, do vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu hủy hai quyết định giải quyết khiếu nại số 264, 265 của bà Th, ông M.

[12] Từ các nhận định nêu trên xét thấy không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Người khởi kiện bà Lò Thị Kim Th và ông Lò Văn M. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính để tuyên bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[13] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Lò Thị Kim Th và ông Lò Văn M phải liên đới chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của bà Lò Thị Kim Th, ông Lò Văn M, giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm số 04/2021/HC-ST ngày 28/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

2. Về án phí: Bà Lò Thị Kim Th và ông Lò Văn M phải liên đới chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 00062 ngày 06/8/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Xác nhận đã nộp đủ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- UBND tỉnh Điện Biên;
- Lưu Phòng HCTP; HSVA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hoa

